Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

Giới thiệu về Dự toán:

1. Tên dự toán: Mua sắm vật tư hàng hóa bảo đảm nhiệm vụ thường xuyên năm 2026 của Phòng Hậu cần-Kỹ thuật
2. Chủ đầu tư thực hiện mua sắm: Lữ đoàn 380
3. Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng năm 2026
4. Thời gian thực hiện dự toán: Năm 2026, Từ thời điểm phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
5. Địa điểm thực hiện: Lữ đoàn 380, Xã Chợ Đồn, Tỉnh Thái Nguyên.
6. Quy mô dự toán: Mua sắm vật tư hàng hóa bảo đảm nhiệm vụ thường xuyên năm 2026 của Phòng Hậu cần-Kỹ thuật .
7. Năm ngân sách: Năm 2026

Giới thiệu về Gói thầu:

Tên gói thầu: Gói thầu số 15: Mua sắm tài sản chuyên dùng phục vụ công tác kỹ thuật

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ

Loại hợp đồng: Trọn gói

Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu cam kết cam kết hàng hóa thích ứng với khí hậu tại nơi cung cấp.

- Nhà thầu phải có cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở về sau còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Nhà thầu phải có cam kết đổi hàng hóa mới 100% nếu hàng hóa bị lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

- Nhà thầu phải có cam kết Hàng hóa chào thầu phải được bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu là 12 tháng

b. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Cung cấp vật tư hàng hóa đáp ứng chủng loại, thông số kỹ thuật, số lượng theo bảng danh mục hàng hóa .

Yêu cầu nhà thầu giữ đúng form biểu, nội dung yêu cầu theo bảng dưới đây, nhà thầu điền nội dung dự thầu vào cột (6), các cột khác nhà thầu trình bày giữ nguyên theo đúng mẫu biểu để Chủ đầu tư sẽ tiện trong quá trình đánh giá, Nếu nhà thầu dự thầu không giữ nguyên form biểu, đánh giá là **Không đạt.**

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
1	Tủ đựng đồ nghề 7 ngăn có bánh xe	Chiếc	22	Loại tủ 7 ngăn kéo được thiết kế lọck khóa nhiều ngăn. Kích thước : D670 x R460 x H860mm (cả bánh xe). Vật liệu tole dày : 1.0mm Sơn tĩnh điện xanh coban, đỏ, xám ghi,.. theo yêu cầu Được gắn 4 bánh xe xoay gồm có 2 bánh khóa.	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				Bên hông tủ có gắn khay đựng phụ kiện như ốc vít, chai dầu tẩy rỉ sét ,..Và tay cầm có thể di chuyển tủ một cách dễ dàng. Mặt trước ngăn kéo có gắn tay nắm inox tạo sự sang trọng thẩm mỹ cho không gian làm việc của người sử dụng.	
2	Panme đo ngoài cơ khí	Chiếc	26	Phạm vi đo rộng: 0-150mm, đáp ứng nhu cầu đo đa dạng. Độ chia 0.01mm: cho kết quả đo chính xác đến từng micromet. Độ chính xác ± 6µm: đảm bảo độ tin cậy của phép đo. Thân panme chắc chắn: làm từ vật liệu cao cấp, chịu được va đập và mài mòn. Thiết kế ergonomic: giúp cầm nắm thoải mái và thao tác dễ dàng.	
3	Máy khoan búa điện	Cái	22	Công suất đầu vào định mức* 720 W Năng lượng va đập* 2 J Trọng lượng 2,3 kg Tỷ lệ va đập ở tốc độ định mức 0 – 4.800 bpm Kích thước dụng cụ (chiều rộng) 88 mm Kích thước dụng cụ (chiều dài) 334 mm Kích thước dụng cụ (chiều cao) 205 mm	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				Bộ gá dụng cụ SDS plus Phạm vi khoan + Đường kính khoan bê tông, mũi khoan búa* 4 – 22 mm + Đường kính khoan tối đa trên kim loại 13 mm + Đường kính khoan tối đa trên gỗ 30 mm + Đường kính khoan tối đa trên bê tông 21 mm	
4	Quạt hút công nghiệp di động	Chiếc	22	Quạt được thiết kế bánh xe di động chắc chắn Lõi mô tơ: Dây đồng Sải cánh: 60cm Nguồn điện áp: 220V - 240V/50Hz - 60Hz Lưu lượng gió: 18.600 m3/giờ Tốc độ vòng quay: 1.400 vòng/phút Chức năng: Làm mát Kiểu dáng: Quạt thông gió tròn Kích thước: 75cm x 94cm x 75cm	
5	Máy nén khí	Chiếc	22	Điện áp: 220V Công suất(HP): 3 HP Lưu lượng(L/phút): 250L/p Áp lực(Kg/cm):8 Dung tích bình chứa(Lít): 120 lít	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				Màu sắc : Đồng / xanh	
6	Máy mài góc dùng pin (đủ phụ kiện)	Chiếc	22	Điện áp pin 18 V Tốc độ không tải 9.000 vòng/phút Ren trục bánh mài M 10 Trọng lượng không bao gồm pin 2,1 kg Đĩa mài/cắt, đường kính 100 mm Tổng giá trị rung (Mài bề mặt (mài thô)) + Giá trị phát tán dao động ah 6,7 m/s² + K bất định 1,5 m/s²T Tổng giá trị rung (Chà nhám bằng giấy nhám) + Giá trị phát tán dao động ah 1,9 m/s² + K bất định 1,5 m/s²* Hộp nhựa đi kèm 2 pin 18V 5.0 Ah và 1 sạc, công tắc thân	
7	Bộ dụng cụ sửa chữa điện 53 chi tiết	Bộ	22	Bao gồm: 01 bộ mũi vít các loại gồm 24 chi tiết 01 tay vặn 1/4 inch có nam châm. 01 khối tạo - khử từ cho tô vít. 02 tô vít dẹt đầu xuông: 0.5×3.0, 0.6×3.5mm 02 tua vít 4 cạnh: PH1, PH 2 02 tuốc nơ vít dẹt, cán cách điện 1000V: 0.5×3.0mm, 0.8×4.0mm, VDE slim 01 bút thử điện hạ thế 150mm	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				01 kìm cắt cạnh cán cách điện 1000V 01 kìm điện đa năng VDE 1000V 01 kềm tuốt dây, cán cách điện 1000V. 01 bộ mỏ hàn chì và ống hút chì. 01 kéo cắt nẹp nhựa 70mm, đi ống gen, ống bọc dây. 01 tô vít dẹt 200mm đầu xuống 5.5mm 02 tuốc nơ vít 4 cạnh dài 300mm: Ph 1, PH2 01 thước thủy thợ điện: 7cm, có nam châm, đeo hông 01 đèn pin vỏ nhôm 01 ampere kìm 01 vạn năng kế chỉ thị số. 01 dao rọc vỏ cáp điện 01 thước cuộn 5m vỏ chống sock. 01 kìm mỏ quạ 250mm 01 mỏ lết heavy duty 250mm 01 bộ tua vít thợ điện tử gồm 7 cây. 01 kìm mỏ nhọn cán bọc cách điện chuẩn VDE 1000V. 01 thùng đồ nghề 3 ngăn. 01 bộ lục giác đầu bi 9 cây mảu	
8	Vam cáo thủy lực	chiếc	22	Tải trọng: 50 tấn	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
	50 tấn 3 chấu			Mở ngàm max: 500mm Khoảng làm việc max: 300mm Hành trình: 70mm Trọng lượng: 30kg	
9	Quạt treo tường công nghiệp	Cái	22	Loại quạt: Quạt công nghiệp treo tường Sải cánh: 76cm Công suất: 1 pha (335W), 3 pha (293W) Lưu lượng gió: 1 pha (310 m3 / phút), 3 pha (300 m3/phút) Số cánh quạt: 3 cánh Tốc độ gió: 1 pha (3 tốc độ), 3 pha (1 tốc độ) Lõi mô tơ: Dây đồng Tốc độ vòng quay: 1 pha (1.280 vòng/phút), 3 pha (1.300 vòng/phút) Nguồn điện áp: 220V/50Hz, 380V/50Hz Trọng lượng sản phẩm: 17kg Kích thước: 800mm x 420mm x 810mm	
10	Panme đo trong cơ khí dải đo 50-1500mm	Chiếc	22	Phạm vi đo: 50 - 1500 mm Thanh nối dài: (6 đầu) 13mm, 25mm, 50mm (2 chiếc), 100mm, 200mm (3 chiếc), 300mm (2 chiếc) Độ chia: 0.01 mm	
11	Máy mài góc	Chiếc	22	Đường kính đá mài: 125mm	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
	dùng pin 125mm/công tắc bóp			Tốc độ không tải: 3,000 - 8,500 v/p Kích thước: 368x140x151 mm Trọng lượng: 2.4 - 3.1 kg Đặc trưng: Sạc nhanh, 2 pin 5.0Ah	
12	Súng bắn vít bằng hơi khí nén	Chiếc	22	- Khả năng vặn vít: 6mm - Kích thước đầu vít: 6.35mm - Lực vặn vít lớn nhất: 7-70 Nm - Tốc độ không tải: 11.500 rpm - Lượng lhis tiêu thụ: 10.78 l/s - Kích cỡ: 150 x 50 x 160mm - Trọng lượng: 1.2 kg - Đầu khí vào: 1/4"	
13	Tủ sắt đựng dụng cụ.	Chiếc	22	KT: 1100x520x1750mm	
14	Đe cơ khí	Chiếc	22	Thân Đe được làm từ chất liệu thép high carbon Cân nặng : 45kg	
15	Máy hàn MIG	Chiếc	22	1pha-230V. 8,64KVA Hàn sắt, inox tốt Trọng lượng 14,1kg Sử dụng dây hàn 0,8-0,9 cuộn 5kg lõi thuốc hoặc dùng khí Dòng hàn ra MIG 30-200/MMA 30-170/TIG	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				20- 200A	
16	Kìm bấm cos thủy lực	Chiếc	20	Gồm các đầu cosse: 16, 25, 35, 50, 70, 95, 120, 150, 185, 240, 300mm2	
17	Bàn bảo dưỡng chi tiết bằng thép chịu lực	Chiếc	22	KT 1500x800x750mm	
18	Bộ tủ dụng cụ 4 ngăn 99 chi tiết	Bộ	22	Ngăn 1: Tuýp lục giác BAEA0804~0813, BCLA0808~0840, Đầu lắc léo CAHA0840, CTCK0811, Cần nối CAAA0802&0840, Cần xiết tự động CJBG0815, CAIA0815, BAEA1610~1632, Đầu lắc léo CAHA1678, CTCK1625, Cần nối CAAA1605&1610, Cần xiết tự động CJBG1627, BAAT1616&1621 Ngăn 2: Cờ lê vòng miệng AAEW0808~1919, Búa HAAA0330 Ngăn 3: Tua vít bake dẹt FBAB0006~0210, FBHB0315, Tua vít FBBB0203, FAAB3E10~6E15, FAHB0818, FABB6E03 Ngăn 4: Kìm các loại DBBB2207, DEBC2207, DFBB2208, DDBA2210, GAAL0914, Lục giác bi GAAL0917	
19	Bộ dụng cụ xiết lực	Bộ	28	Bao gồm: 15 chi tiết Cờ lê vòng miệng tự động ABEA0808~1919	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
				8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19 mm Đầu chuyển CANA0810~1619 1/4"x10 mm, 3/8"x13 mm, 1/2"x19 mm	
20	Máy bơm mỡ khí nén	Cái	22	Tỷ lệ áp lực: 40:1 Áp lực nén: 0.6-0 0,8 MPa Lượng mỡ ra: 0.75 Lít/phút Truyền dẫn áp lực: 24-32MPa Thùng chứa: 30 lít Súng bơm mỡ: HCG-200 Ống thủy lực cao áp: 5.5 mét Trọng lượng: 21 kg Kích thước: 460x460x885mm	
21	Đồng hồ so điện tử	Cái	22	Phạm vị đo: 0-12.7mm Độ hiển thị: 0.001mm Độ chính xác: ±0.003mm Kiểu đồng hồ: Lưng phẳng (Flat Back)	
22	Chân kê 12 tấn	Cái	22	Công suất nâng : 12 tấn Chiều cao min 710 mm Chiều cao max 1065 mm Trọng lượng 16 kg	
23	Thước cặp điện tử 300mm	Cái	22	Phạm vị đo 0 - 300mm Độ chính xác ±0.03mm Độ hiển thị 0.01mm	

TT	Tên vật tư, hàng hóa	Đơn vị	S.lượng	Mô tả hàng hóa theo nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nhà thầu dự thầu về đặc tính kỹ thuật và xuất xứ của hàng hóa
1	2	3	4	5	6
24	Thước đo độ chụm bánh xe:	Chiếc	22	- Độ dài Max: 2000mm - Thang đo Min: 0.1mm	
25	Bộ kiểm tra áp suất kim phun xăng	Bộ	22	Đồng hồ áp lực 2-1/2" : hiển thị 15 psi. Đồng hồ áp lực 3-1/2 „: hiển thị 0-145 psi và 0-1000 kpa. Các đầu nối, đồng hồ và dây hội đủ tính năng lắp ráp 1 cách nhanh chóng và hiệu quả tốt khi kiểm tra Dùng cho hầu hết tất cả các loại xe châu á và châu âu Khối lượng: 4.8 kg	

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ "tương đương" được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ "tương đương" được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

1.3. Các yêu cầu khác

- Hàng hoá được đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

- Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo cam kết hợp đồng, chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng hóa và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về

đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu.

- Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ hàng hóa, và đề nghị thanh toán theo đúng khối lượng nghiệm thu.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện bảo hành, bảo trì hàng hóa.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này không có các bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cung cấp cho gói thầu bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho nhà thầu trước 02 ngày trước khi kiểm tra. Phương pháp thử nghiệm: lấy một số mẫu hàng hoá bất kỳ (số lượng không giới hạn) để kiểm tra tại cơ quan có thẩm quyền (Chi phí do nhà thầu chịu). Nếu hàng hóa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo cam kết hợp đồng, chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng hóa và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu.